

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 183/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 16, ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Đức L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2025, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày: chị và anh L cưới nhau vào năm 2023, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B, nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh V. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng hàn gắn. Vợ

chồng đã ly thân từ tháng 07/2025 đến nay. Do đó, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Lê Khánh A, sinh ngày 05/9/2023 đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại tờ tự khai ngày 06/11/2025, bị đơn anh Huỳnh Đức L trình bày: về ngày tháng kết hôn, con chung đúng như chị T trình bày. Thời gian đầu mới cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp và không còn thương yêu nhường nhịn nhau. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T vì vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

- Về con chung: vợ chồng có 1 con chung tên Huỳnh Lê Khánh A đang ở với chị T. Nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con, anh lo cho con theo khả năng của anh.

Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: Không có.

Anh L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Ngọc T và anh Huỳnh Đức L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2023 vào ngày 06/02/2023 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Huỳnh Đức L là bị đơn, cư trú tại Ấp 1, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh nên khi chị T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Chị T và anh L đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp: chị T và anh L cưới nhau vào năm 2023, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T và anh L đều trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng

quan điểm sống làm cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và anh L đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] Về nuôi con chung: Giữa chị T và anh L có 01 con chung tên Huỳnh Lê Khánh A, sinh ngày 05/9/2023 hiện đang sống với chị T. Xét thấy, hiện con chung đang sống với chị T đã ổn định nên việc chị T và anh L đều yêu cầu để chị T tiếp tục được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc trực tiếp nuôi con chung. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L trình bày không có nên không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T về việc ly hôn đối với anh Huỳnh Đức L

Về hôn nhân: chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Huỳnh Đức L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Lê Khánh A, sinh ngày 05/9/2023, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: chị Lê Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009313 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang